

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST
Ngày 25-6-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Duy Khoa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Khắc Quyết

Ông Đinh Xuân Nhuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghiệp - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1984; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Vũ Văn S, sinh năm 1982; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 02-02-2021, Bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đỗ Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hợp Đức, huyện Kiến Thụy (nay là phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn), thành phố Hải Phòng vào ngày 16-12-2003. Chị và anh S chung sống hòa thuận, hạnh phúc được 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, kinh tế khó khăn; anh S thường xuyên chơi bời, không có trách nhiệm với gia đình và

các con, một mình chị phải lo hết mọi việc, chị đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh S không thay đổi nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị và anh S đã sống ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau, việc ai người ấy làm. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S.

Về con chung: Chị và anh S có 02 con chung là cháu Vũ Thị Thuỳ D, sinh ngày 20-9-2005 và cháu Vũ Văn Đ, sinh ngày 30-7-2008. Chị nhận nuôi cả hai con; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị và anh S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 07-5-2021, bị đơn là anh Vũ Văn S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đỗ Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hợp Đức, huyện Kiến Thụy (nay là phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn), thành phố Hải Phòng vào ngày 16-12-2003. Anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến việc chị H có ý định ly hôn với anh. Nguyên nhân mâu thuẫn một phần là do anh có chơi bời, nợ nần khiến chị H có những lời nói, hành động rất khó chịu với anh. Ngoài ra phía chị H còn có nguyên nhân nào khác không thì anh không biết. Theo anh thì chỉ với lý do như vậy thì không đến mức độ phải ly hôn. Tuy nhiên, nếu chị H muốn ly hôn thì anh cũng để chị H thích làm gì thì làm, anh không níu kéo, không nhờ Tòa án hòa giải cho vợ chồng quay về đoàn tụ do mâu thuẫn đã lâu, vợ chồng không còn tình cảm để tiếp tục chung sống cùng nhau. Hiện nay, anh và chị H vẫn sống cùng nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau, việc ai người ấy làm. Nay chị H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung như chị H trình bày. Các cháu đã lớn, có thể tự quyết định việc ở với ai nên anh đề nghị Tòa án hỏi ý kiến các cháu, anh sẽ tôn trọng quyết định của các cháu. Trường hợp các cháu đều muốn ở với chị H hay muốn ở với anh thì anh đều đồng ý.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung: Anh và chị H sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản làm việc ngày 29-4-2021, hai con chung trên 07 tuổi của chị H và anh S là cháu Vũ Thị Thuỳ D và cháu Vũ Văn Đ trình bày:

Cả hai cháu đều muốn được sống cùng với cả bố lẫn mẹ nhưng nếu bố mẹ ly hôn, nguyện vọng của hai cháu mong muốn được sống cùng với mẹ.

Theo các tài liệu, chứng cứ Tòa án xác minh, thu thập được thể hiện: Trong quá trình chung sống, giữa chị H và anh S có phát sinh mâu thuẫn và đã có lần sống ly thân. Nguyên nhân chủ yếu là do xuất phát từ vấn đề kinh tế, một mình chị H phải gánh vác kinh tế gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi

vã, xô xát, xúc phạm nhau. Mặc dù gia đình cũng đã động viên chị H và anh S nhưng không có kết quả.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chị H và anh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hợp Đức, huyện Kiến Thụy (nay là phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn), thành phố Hải Phòng là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn nên chị H và anh S cũng đã từng sống ly thân. Hiện nay, mặc dù sống cùng nhà nhưng vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, việc ai người ấy làm, thể hiện hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh S. Về con chung, chị H đề nghị Tòa án giao cả 02 con chung là cháu Vũ Thị Thuý D và cháu Vũ Văn Đ cho chị trực tiếp nuôi dưỡng; chị H hiện có công việc, thu nhập ổn định, có thể đảm bảo việc nuôi con; 02 con chung đều có nguyện vọng được sống cùng với chị H; anh S cũng đồng ý với yêu cầu của chị H và nguyện vọng của các con; vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, chị H và anh S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn là anh Vũ Văn S, cư trú tại: Tổ dân phố Đông Phong, phường Minh Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ độ tuổi kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hợp Đức, huyện Kiến

Thụy (nay là phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn), thành phố Hải Phòng vào ngày 16-12-2003 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị H và anh S phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, xúc phạm nhau, chị H và anh S cũng đã từng sống ly thân; hiện nay mặc dù sống cùng nhà nhưng vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại Điều 19, Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, anh S đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải; cả chị H và anh S đều xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau. Như vậy, có thể thấy mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của chị H xin được ly hôn với anh S là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị H và anh S có 02 con chung là cháu Vũ Thị Thuý D, sinh ngày 20-9-2005 và cháu Vũ Văn Đ, sinh ngày 30-7-2008. Chị H nhận nuôi cả hai con, hai cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ, anh S thống nhất giao con theo ý kiến của hai cháu, chị H hiện có công việc, thu nhập ổn định, đảm bảo điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc các con. Vì vậy, yêu cầu của chị H, anh S về việc giao con chung là cháu D và cháu Đ cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị H và anh S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị H và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị H và anh S có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 19, Điều 21, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị H được ly hôn anh Vũ Văn S.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Vũ Thị Thuỳ D, sinh ngày 20-9-2005 và cháu Vũ Văn Đ, sinh ngày 30-7-2008 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị H và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007191 ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị H và anh S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Xuân Nhuận Nguyễn Khắc Quyết

Bùi Duy Khoa

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Duy Khoa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đình Xuân Nhuận Nguyễn Khắc Quyết

Bùi Duy Khoa